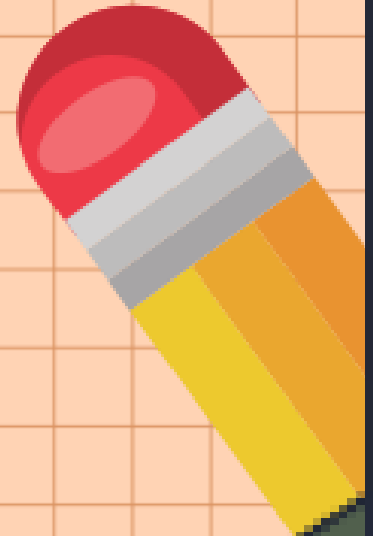


THỰC HÀNH
TIẾNG VIỆT



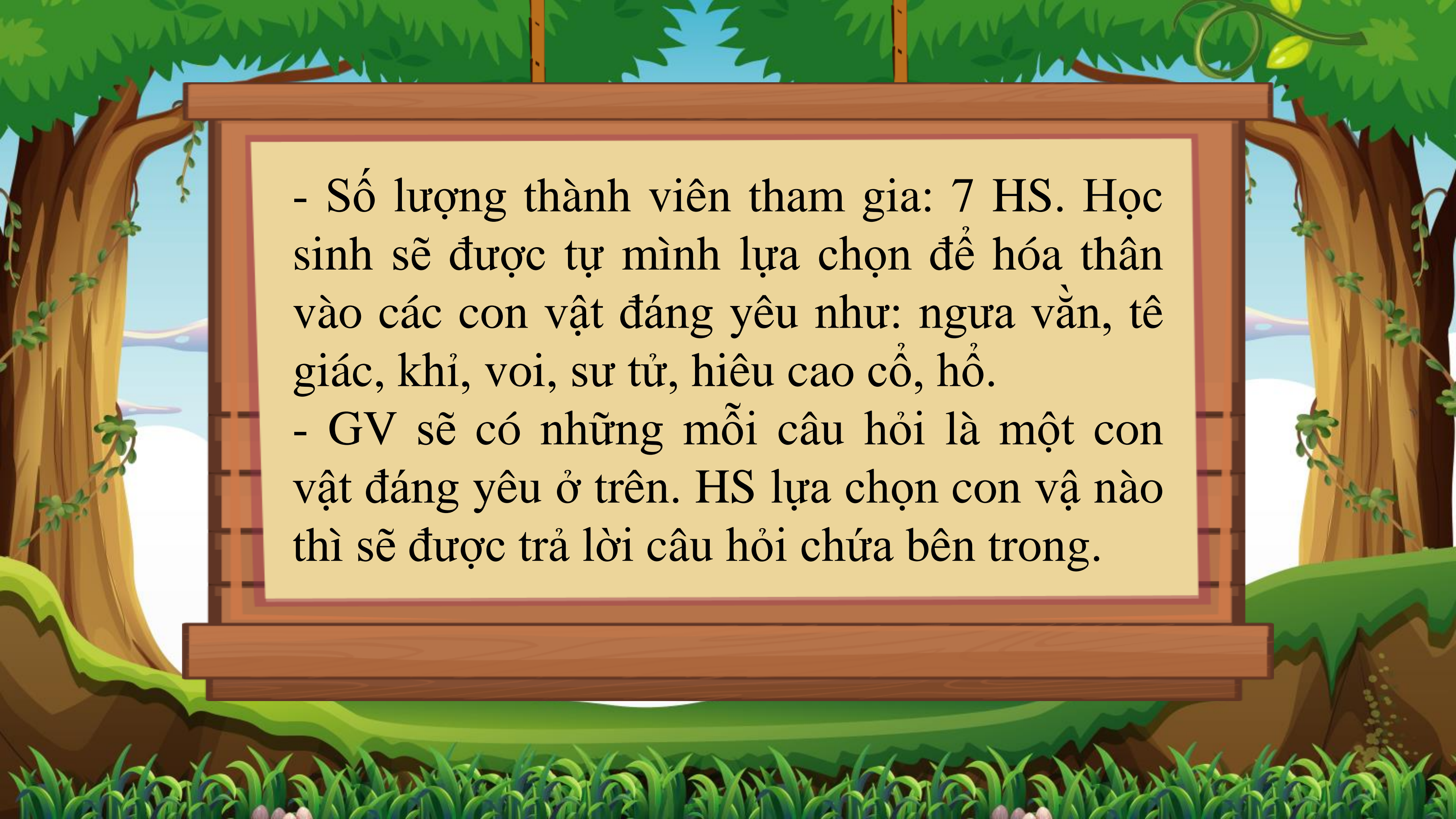
HOẠT ĐỘNG 1 KHỞI ĐỘNG



Cùng bay lên nào

Honey



- 
- Số lượng thành viên tham gia: 7 HS. Học sinh sẽ được tự mình lựa chọn để hóa thân vào các con vật đáng yêu như: ngựa vằn, tê giác, khỉ, voi, sư tử, hiêu cao cổ, hổ.
 - GV sẽ có những mỗi câu hỏi là một con vật đáng yêu ở trên. HS lựa chọn con vật nào thì sẽ được trả lời câu hỏi chứa bên trong.



Đáp án

Câu 1 (HỒ): Trong các từ Hán Việt sau, yếu tố “*phong*” nào có nghĩa là “*gió*”?

- A. Phong lưu
- C. Cuồng phong
- B. Phong kiến.
- D. Tiên phong

C. Cuồng phong



Đáp án

Câu 2 (Hươu cao cổ): Từ nào sau đây là từ Hán Việt?

- A. Phù sa
- B. Màu sắc
- C. Cửa sổ
- Gân gũ

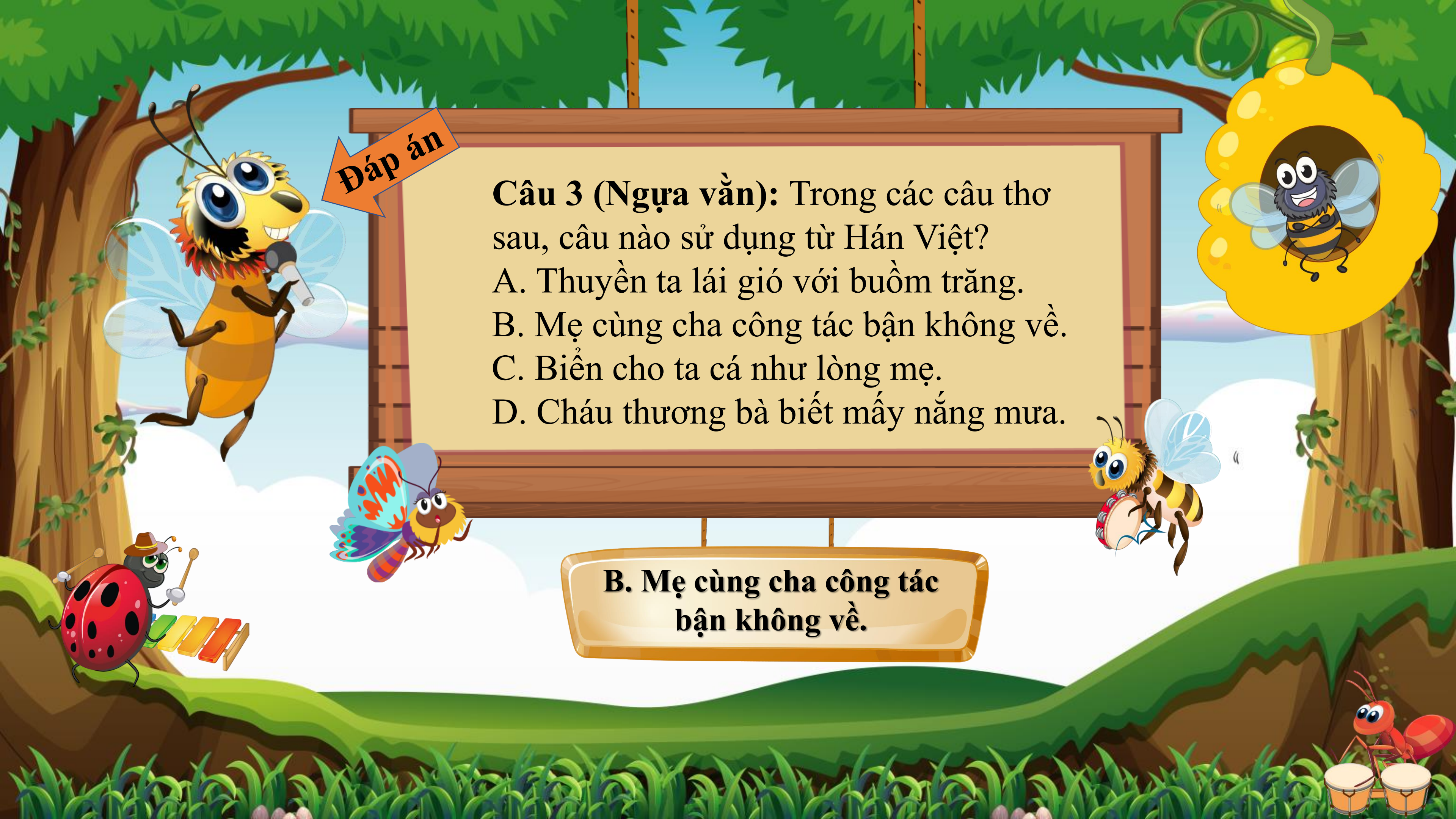
A. Phù sa

Đáp án

Câu 3 (Ngựa vằn): Trong các câu thơ sau, câu nào sử dụng từ Hán Việt?

A. Thuyền ta lái gió với buồm trăng.
B. Mẹ cùng cha công tác bạn không về.
C. Biển cho ta cá như lòng mẹ.
D. Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

**B. Mẹ cùng cha công tác
bạn không về.**



Đáp án

Câu 4 (Khỉ). Trong những tổ hợp từ sau, tổ hợp từ nào là tục ngữ ?

- A. Cưỡi ngựa xem hoa.
- B. Ròng đến nhà tôm.
- C. Dây cà ra dây muống.
- D. Gân mực thì đen, gân đèn thì rạng.

**D. Gân mực thì đen,
gân đèn thì rạng**

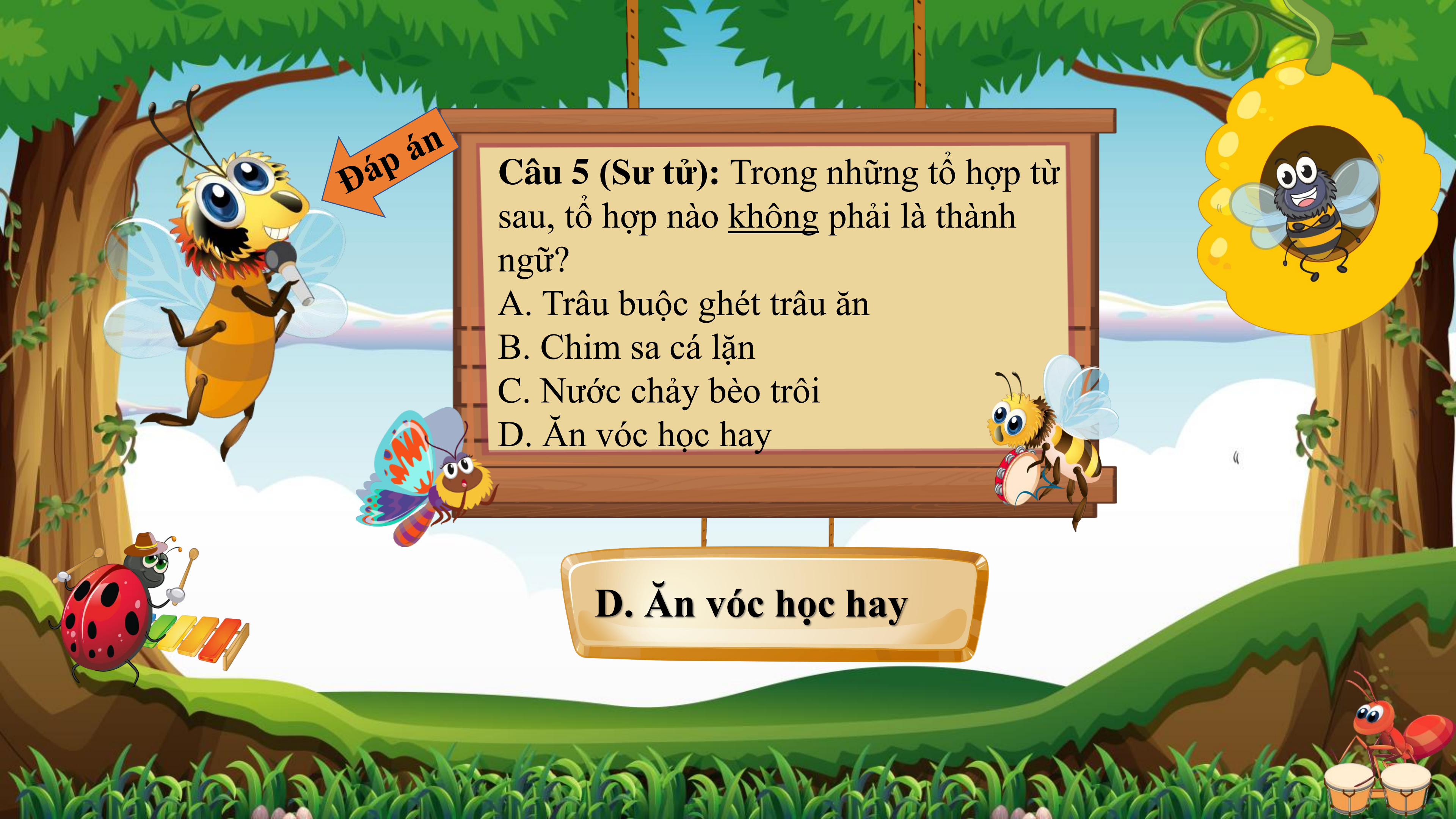


Đáp án

Câu 5 (Sử tử): Trong những tổ hợp từ sau, tổ hợp nào không phải là thành ngữ?

- A. Trâu buộc ghét trâu ăn
- B. Chim sa cá lặn
- C. Nước chảy bèo trôi
- D. Ăn vóc học hay

D. Ăn vóc học hay



Đáp án

Câu 6 (Voi). Thành ngữ nào sau đây có ý nghĩa “*ý tưởng viễn vông, thiếu thực tế thiếu tính khả thi*”?

- A. Đeo nhạc cho mèo
- B. Đẽo cày giữa đường
- C. Éch ngồi đáy giếng
- D. Thầy bói xem voi

A. Đeo nhạc cho mèo

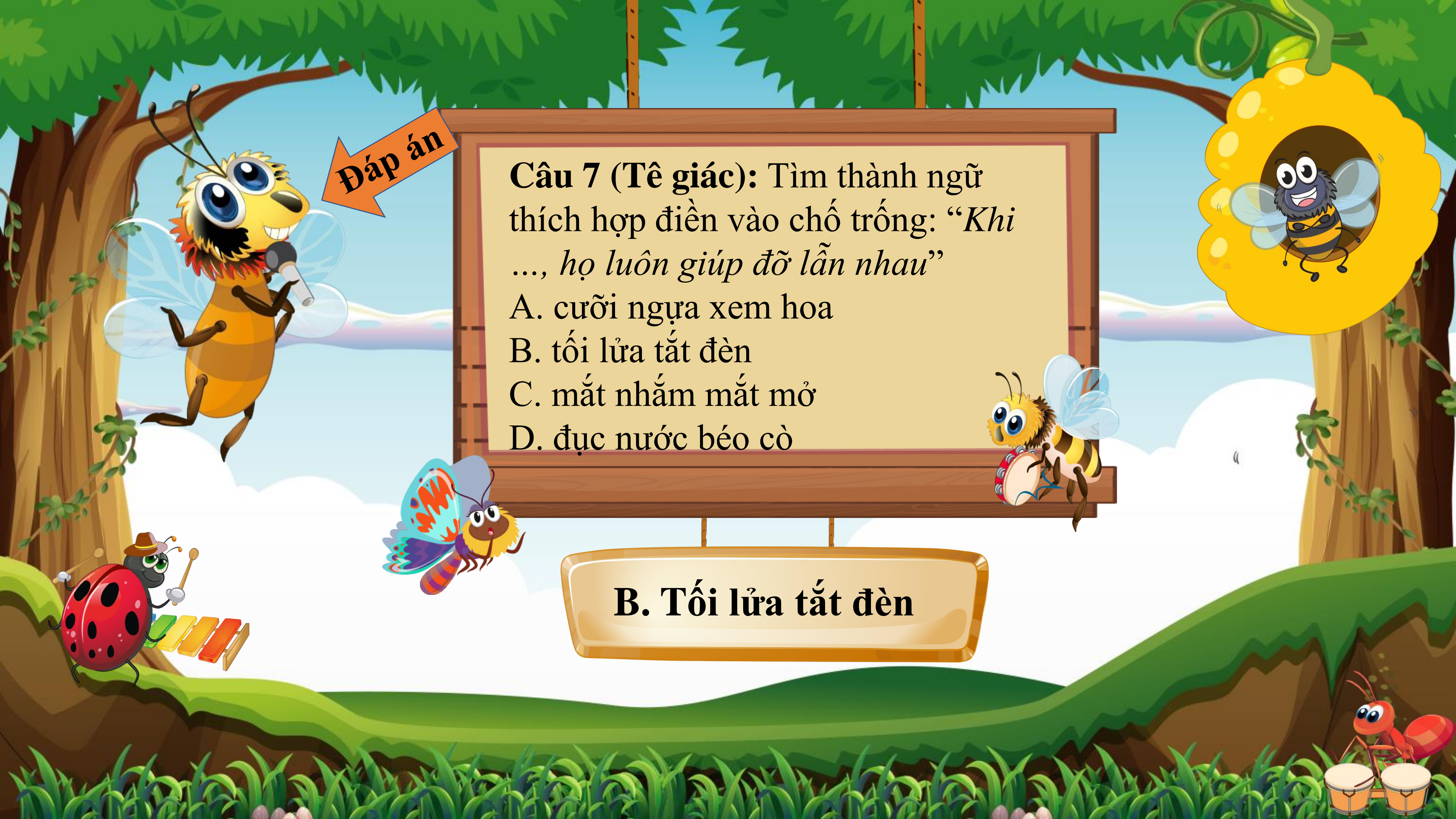


Đáp án

Câu 7 (Tê giác): Tìm thành ngữ thích hợp điền vào chỗ trống: “*Khi ..., họ luôn giúp đỡ lẫn nhau*”

- A. cưỡi ngựa xem hoa
- B. tối lửa tắt đèn
- C. mắt nhắm mắt mở
- D. đục nước béo cò

B. Tối lửa tắt đèn

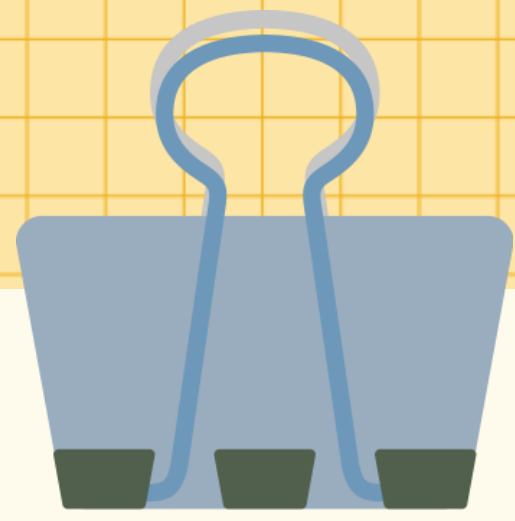


HOẠT ĐỘNG 2

ÔN TẬP

LÍ THUYẾT





I. ÔN TẬP LÝ THUYẾT

1. Từ Hán Việt

* Ví dụ





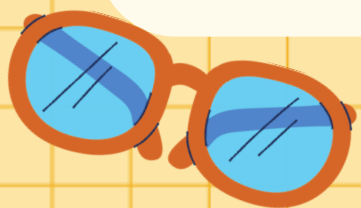
*Huống chi ta cùng các người sinh phải thời loạn lạc
lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại
nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ
mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ,
thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thỏa lòng
tham khôn cùng, giả hiệu Vân Nam Vương mà thu
bạc vàng, để vét của kho có hạn. Thật khác nào như
đem thịt mà nuôi hổ đói, sao cho khỏi tai vạ về sau.*

(Trần Quốc Tuấn, Hịch tướng sĩ)









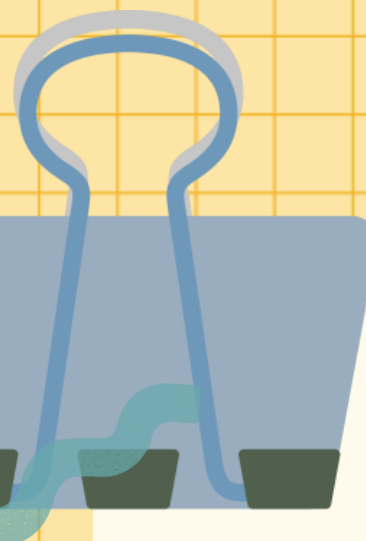
PHIẾU HỌC TẬP

SỐ 01



STT	Từ Hán Việt	Giải nghĩa
1		
2		
3		
4		
5		





STT	Từ Hán Việt	Giải nghĩa
1	<i>loạn lạc</i>	Tình trạng xã hội lộn xộn, không có trật tự, an ninh do có loạn.
2	<i>gian nan</i>	Có nhiều khó khăn, gian khổ phải vượt qua.
3	<i>triều đình</i>	Nơi các quan vào chầu vua và bàn việc nước; thường dùng để chỉ cơ quan trung ương của nhà nước quân chủ, do vua trực tiếp đứng đầu.
4	<i>tể phụ</i>	Chức quan hàng đầu triều đình giúp vua trị nước, thông thường chỉ Tể tướng.
5	<i>thác mệnh</i>	Mượn nhờ mệnh lệnh.

Kết luận

- Yếu tố Hán Việt là yếu tố gốc Hán được đọc bằng âm đọc Hán Việt và sử dụng trong tiếng Việt.

+ Một số yếu tố Hán Việt có thể dùng độc lập như đơn vị từ trong tiếng Việt.

+ Một số yếu tố Hán Việt không thể dùng độc lập như đơn vị từ trong tiếng Việt, mà chỉ có thể kết hợp với các yếu tố khác để tạo thành từ.

- Từ Hán Việt là từ trong tiếng Việt được cấu thành từ các yếu tố Hán Việt. Mỗi tiếng của từ thuộc nhóm này có tên gọi tương ứng là yếu tố Hán Việt.



2. Thành ngữ- tục ngữ

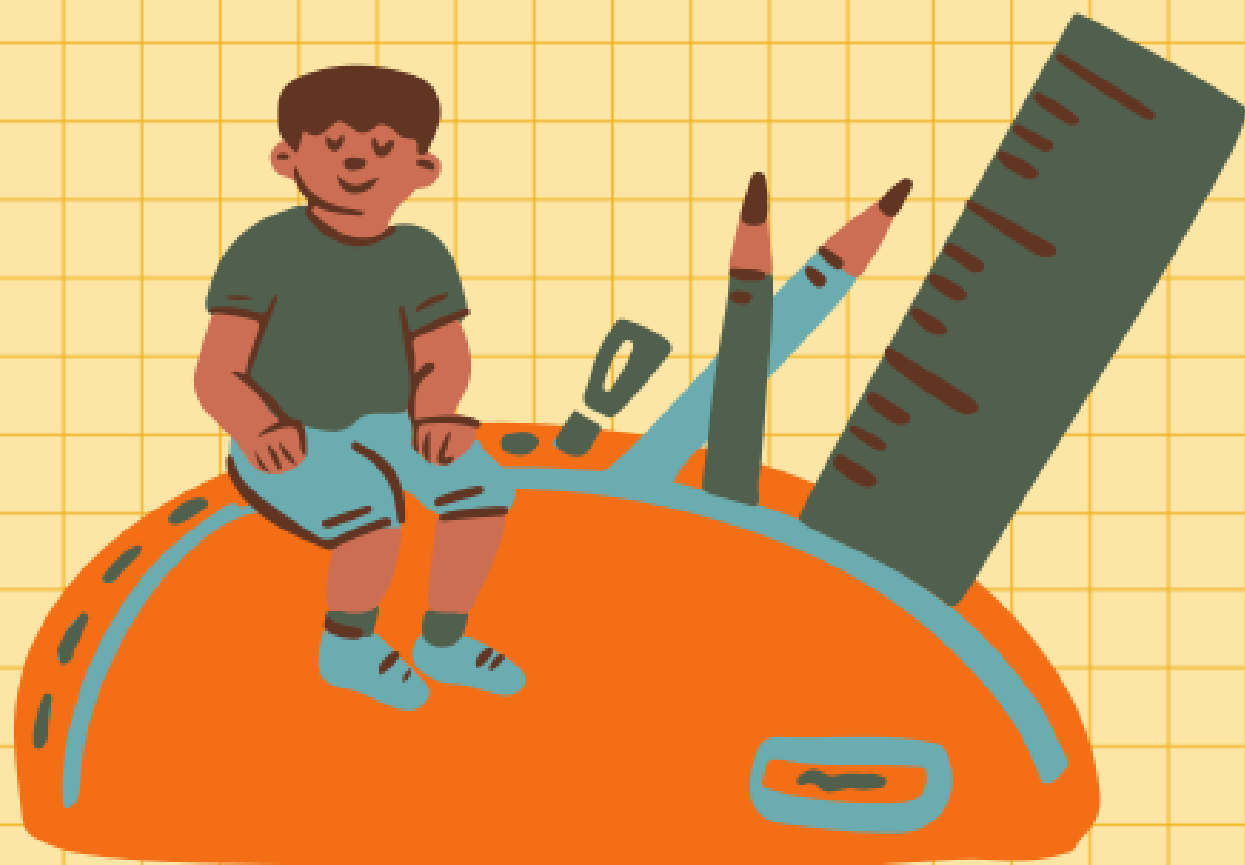
a. Thành ngữ

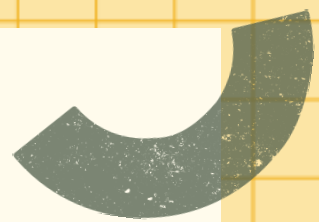
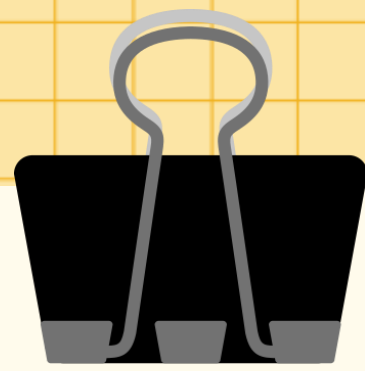
Khái niệm: Là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh.

Nguồn gốc nghĩa của thành ngữ: có thể bắt nguồn trực tiếp từ nghĩa đen của các từ tạo nên nó nhưng thông thường qua một số phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...

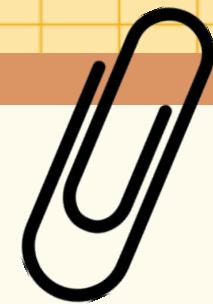
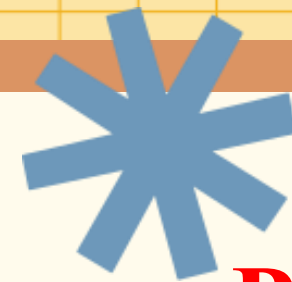
Chức năng ngữ pháp: Thành ngữ có thể làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu hay làm phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ...

Đặc điểm: Thành ngữ ngắn gọn, hàm súc, có tính hình tượng, tính biểu cảm cao.





b. Phân biệt thành ngữ và tục ngữ



PHIẾU HỌC TẬP 02






	Đặc điểm của tục ngữ, thành ngữ	
	Tục ngữ	Thành ngữ
Ví dụ
Hình thức
Nội dung





Đặc điểm của tục ngữ, thành ngữ.

	Tục ngữ	Thành ngữ
Ví dụ	<ul style="list-style-type: none">- Ăn vóc học hay- Gân mực thì đen, gân đên thì rạng;	<ul style="list-style-type: none">- Đẽo cày giữa đường- Éch ngòi đáy giếng
Hình thức	Một câu nói ngắn gọn, hàm súc, có vần điệu, có hình ảnh.	Chưa thành câu, mà là những cụm từ ngắn gọn, có vần điệu, hình ảnh.
Nội dung	Nhằm đúc kết kinh nghiệm về thế giới tự nhiên, con người.	Giúp lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao.

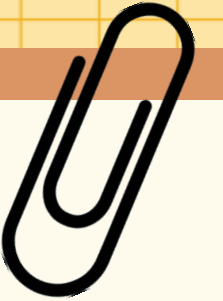
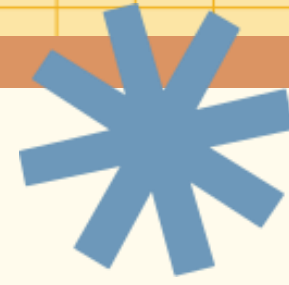
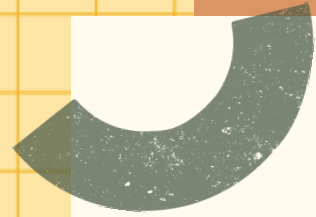
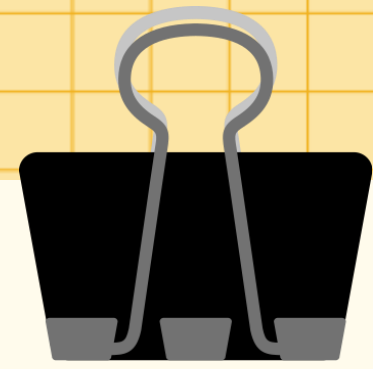




HOẠT ĐỘNG 3 THỰC HÀNH

LỊCH HẸN





THỰC HÀNH

1. Bài tập 1, trang 118



PHT số 03: Từ Hán Việt

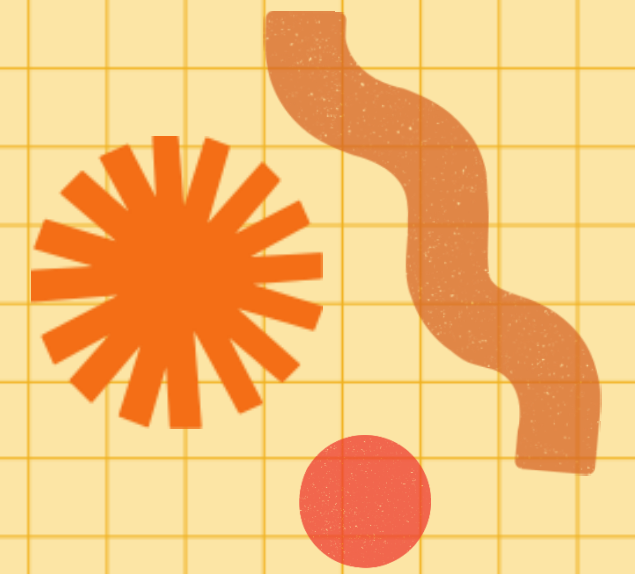
↳

STT	Từ ghép Hán Việt	Giải nghĩa từ	Nghĩa của yếu tố

STT	Từ ghép Hán Việt	Giải nghĩa từ	Nghĩa của yếu tố
1	<i>trung thần</i>	bề tôi trung thành với vua	<i>trung</i> : hết lòng ngay thẳng, một lòng một dạ với vua, với nước; <i>thần</i> : bề tôi của nhà vua.
2	<i>nghĩa sĩ</i>	người có nghĩa khí, dám hy sinh vì nghĩa lớn	<i>nghĩa</i> : lẽ phải làm khuôn phép cho cách xử thế; <i>sĩ</i> : người- theo cách gọi tôn kính, quý mến.
3	<i>lưu danh</i>	để lại tên tuổi tiếng thơm về sau.	<i>lưu</i> : giữ lại, để lại về sau; <i>danh</i> : tên.
4	<i>binh thư</i>	sách viết về phép đánh trận thời cổ	<i>binh</i> : lính, quân lính, quân đội, quân sự; <i>thư</i> : sách.
5	<i>yếu lược</i>	tóm tắt những điều quan trọng, cần thiết nhất.	<i>yếu</i> : quan trọng; <i>lược</i> : được cái đơn giản. Khái quát tóm tắt.

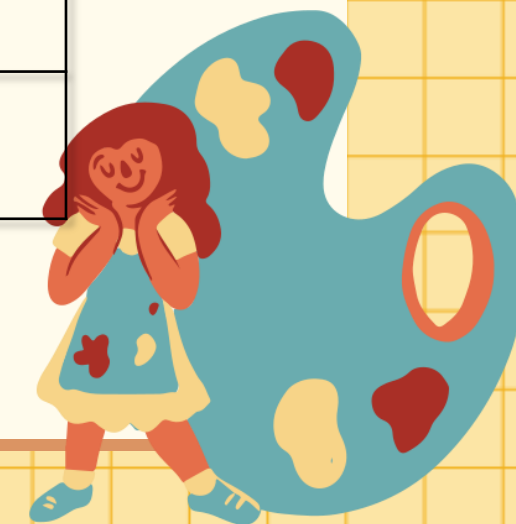


2. Bài tập 2, trang 118,119



PHT số 04: Bài tập 2, trang 118,119

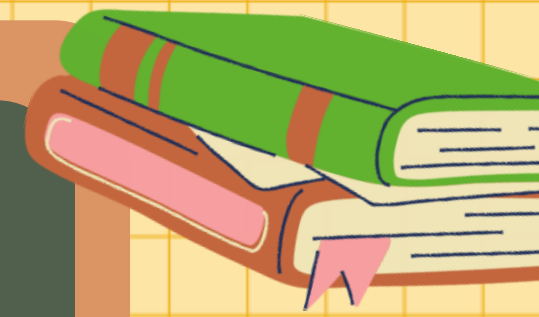
Thành ngữ	Nghĩa của thành ngữ	Nghĩa của mỗi tiếng
a
b
c
d





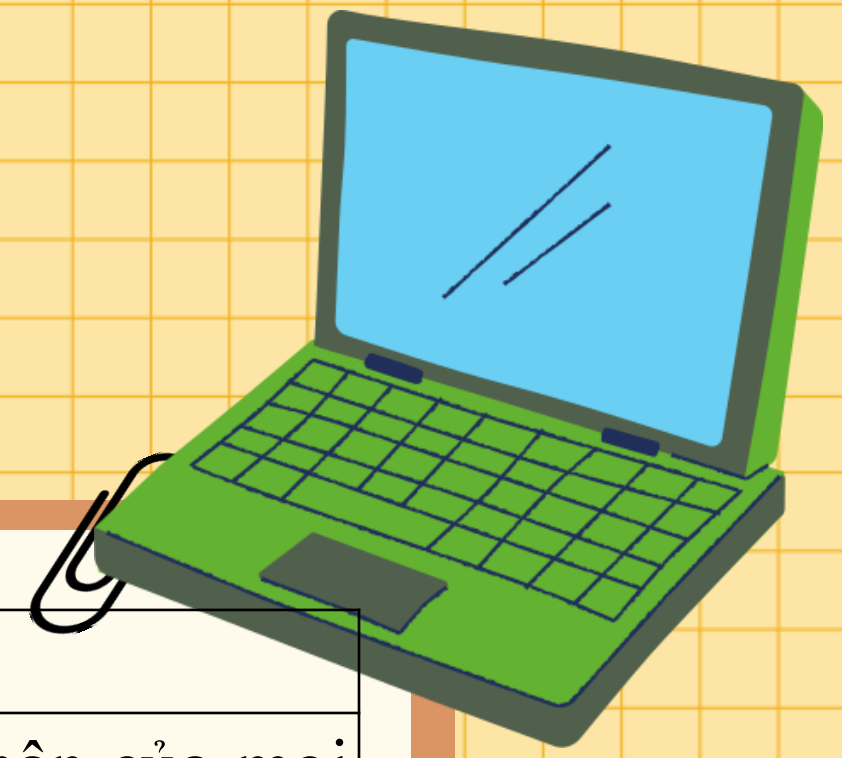
PHT số 04: Bài tập 2, trang 118,119

Thành ngữ	Nghĩa của thành ngữ	Nghĩa của mỗi tiếng
a. <i>bách niên giai lão</i>	Chỉ việc hai vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến mãi mãi đến già.	<i>bách</i> : trăm; <i>niên</i> : năm; <i>giai</i> : đều, cùng; <i>lão</i> : già
b. <i>danh chính ngôn thuận</i>	Có danh nghĩa xứng đáng được pháp luật hoặc đông đảo mọi người thừa nhận thì lời nói nói dễ được nghe theo	<i>danh</i> : tên; <i>chính</i> : ngay thẳng, đúng đắn; <i>ngôn</i> : lời nói; <i>thuận</i> : xuôi đồng tình.
c. <i>chiêu binh mãi mã</i>	tuyển mộ binh lính, mua thêm ngựa chiến để chuẩn bị chiến tranh	<i>chiêu</i> : thu nạp, tuyển mộ; <i>binh</i> : binh lính, quân đội; <i>mãi</i> : mua; <i>mã</i> : ngựa.
d. <i>trung quân ái quốc</i>	một lòng một dạ với vua, yêu nước- theo quan niệm của đạo đức phong kiến	<i>trung</i> : ngay thẳng, một lòng một dạ với người nào đó; <i>quân</i> : vua; <i>ái</i> : yêu; <i>quốc</i> : nước.



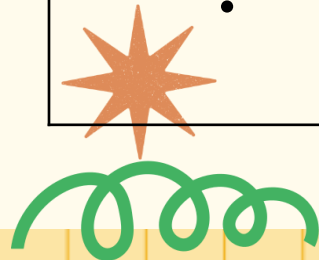
3. Bài tập 3, trang 119

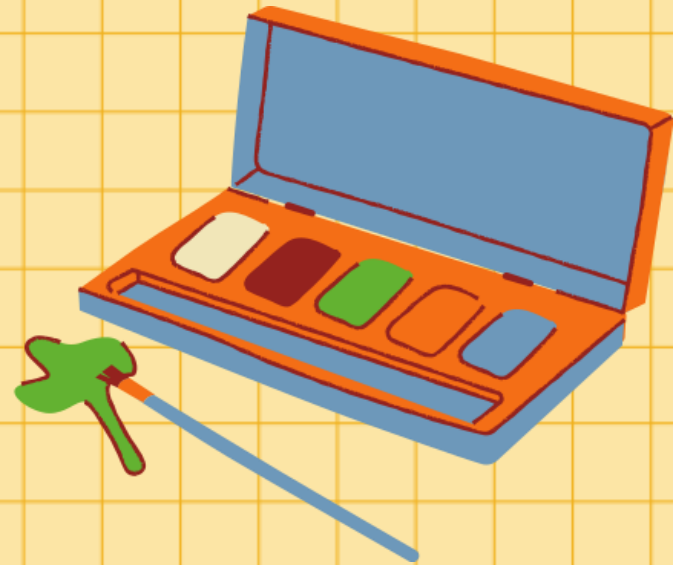
Bài tập 3 trang 119: Ghép các thành ngữ, tục ngữ (in đậm) ở cột bên trái với nghĩa phù hợp ở cột bên phải



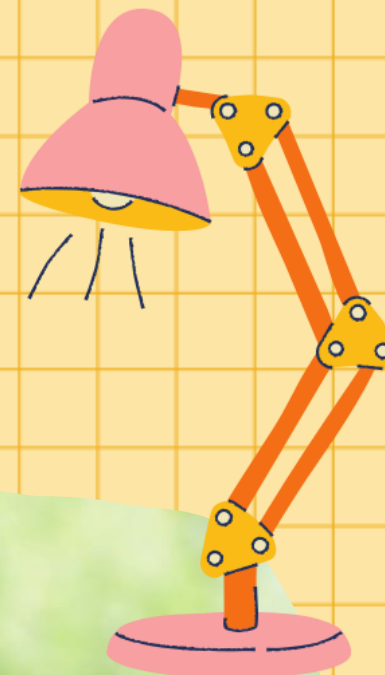
Thành ngữ tục ngữ
a. Dã tâm của quân giặc đã hai năm rỗ mười .
b. Chũr đê phải quang minh chính đại như ban ngày.
c. Hầu muốn luyện cho mình thành một người có thể dãi gió dầm mưa .
d. Họ nhìn lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng, lòng họ bùng bùng, tay họ như có thể xoay trời chuyển đất .
e. Giặc đến nhà đàn bà cũng đánh .

Nghĩa
1. Khi đất nước có giặc, bốn phận của mọi người dân là phải đứng lên đánh giặc
2. Chịu đựng nắng mưa sương gió qua nhiều năm tháng
3. Có sức mạnh phi thường có thể làm được những việc lớn
4. Ngay thẳng đúng đắn, rõ ràng, không chút mờ ám.
5. Sự việc quá rõ ràng, sáng tỏ, không còn nghi ngờ gì nữa

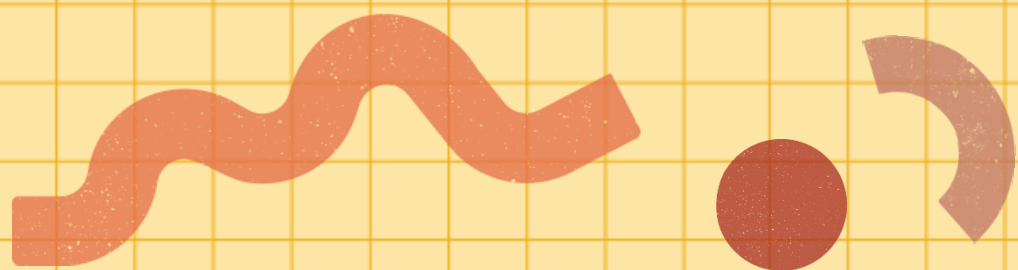




Gợi ý



- a) - 5
- b) - 4
- c) - 2
- d) - 3
- e) - 1





HOẠT ĐỘNG 4 VẬN DỤNG

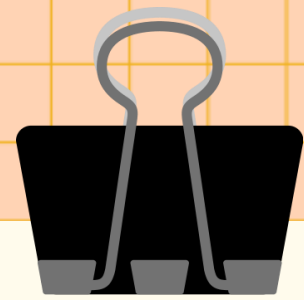
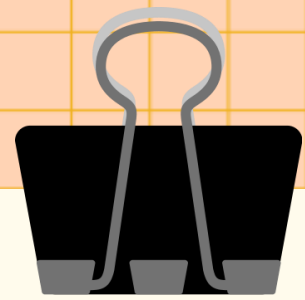


Hình thức: Đoạn văn có độ dài từ 5-7 dòng; có dùng ít nhất hai từ Hán Việt; chỉ ra nghĩa của hai từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn văn

Nội dung: nêu cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “*Hịch tướng sĩ*” của Trần Quốc Tuấn.

Bài tập 4 trang 119





PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

1. Bài viết đảm bảo hình thức đoạn văn chưa?

.....

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

.....

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.....

4. Đoạn văn viết đã đưa ra được cảm nghĩ của em sau khi học văn bản “*Hịch tướng sĩ*” của Trần Quốc Tuấn chưa?

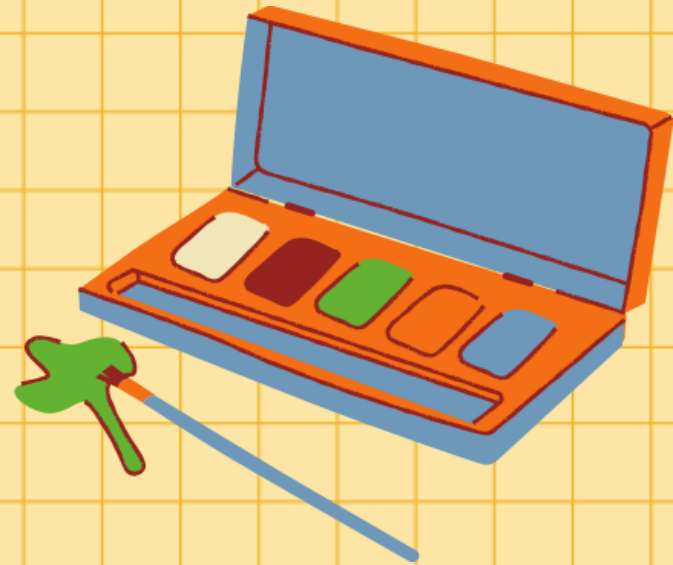
Nếu chưa, hãy khắc phục.

5. Đoạn văn đã có 2 từ Hán Việt chưa? (chỉ ra). Nếu chưa, hãy khắc phục.

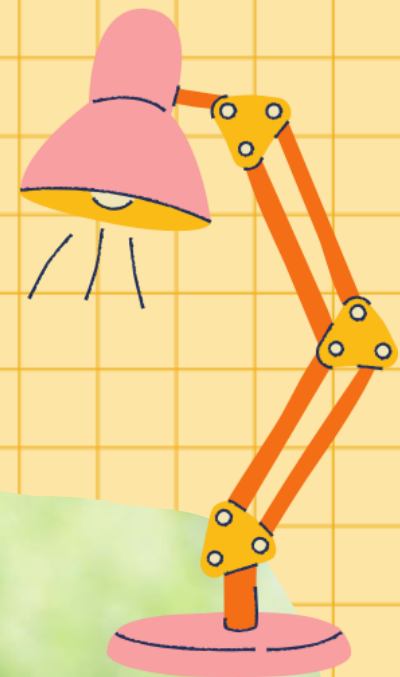
Đoạn văn tham khảo

“Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn được viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông lần thứ hai (trước năm 1285). Văn bản đã thể hiện lòng yêu nước căm thù giặc sâu sắc, là lời động viên, khích lệ mạnh mẽ tinh thần và ý chí chiến đấu của các tướng sĩ. Mục đích của văn bản là giúp các tướng sĩ ý thức được trách nhiệm của mình với dân tộc, chuyên tâm luyện tập võ nghệ, binh pháp, để quyết chiến với kẻ thù. Về nghệ thuật, với lập luận chặt chẽ, đầy sức thuyết phục, lí lẽ sắc bén, bằng chứng rõ ràng, lời văn giàu, cảm xúc, bài “Hịch tướng sĩ” thực sự là một trong những văn bản mẫu mực của văn học trung đại.

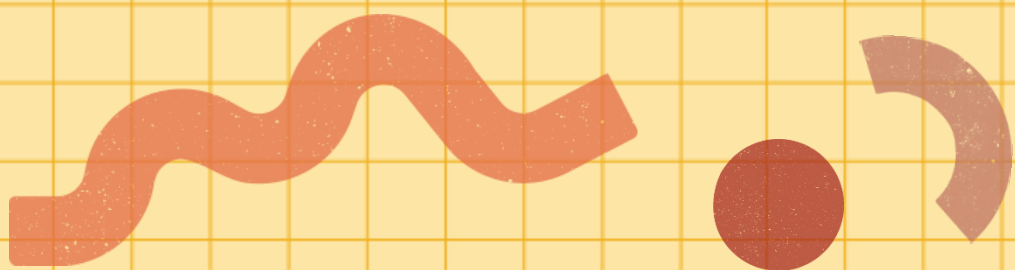




Hướng dẫn học tập



- + Hoàn thành các bài tập
- + Chuẩn bị bài thực hành đọc hiểu văn bản: “*Chiều dòi đò*” (Lý Công Uẩn)



THANK
YOU!

